

Số: 45 /TB -HVCSPT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

## THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 (Khóa 10)

Kính gửi: .....

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 883/QĐ-HVCSPT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2022 (khóa 10) như sau:

### 1. MỤC TIÊU VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:

**1.1. Mục tiêu:** Học viện Chính sách và phát triển tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo 02 định hướng: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng

**a). Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu:** cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về ngành học, kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về lĩnh vực của ngành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; Có thể đảm nhận công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

**b). Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng:** giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chương trình đào tạo vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

**2. Hình thức đào tạo:** Chính quy và Vừa làm vừa học.

### 2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

**2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 150 học viên cho 05 ngành, cụ thể:

- Ngành Chính sách công, Mã số: 8340402, Chỉ tiêu: 30
- Ngành Tài chính – Ngân hàng, Mã số: 8340201, Chỉ tiêu: 30
- Ngành Quản trị kinh doanh, Mã số: 8340101, Chỉ tiêu: 30
- Ngành Kinh tế quốc tế, Mã số: 8310106, Chỉ tiêu: 30
- Ngành Kinh tế phát triển, Mã số: 8310105, Chỉ tiêu: 30



## 2.2. Thời gian đào tạo:

Thạc sĩ theo hình thức chính quy đào tạo trong 20 tháng, thạc sĩ theo hình thức vừa làm vừa học đào tạo trong 24 tháng, bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ. Trong đó:

- Định hướng nghiên cứu – chính quy học vào các buổi sáng hoặc chiều, từ thứ 2 đến thứ 6 (trực tuyến, trực tiếp kết hợp).

- Định hướng ứng dụng – chính quy học theo 02 hình thức: (1) Học vào các buổi tối từ thứ 2 đến thứ 6 (trực tuyến, trực tiếp kết hợp); (2) Học vào 2 buổi tối trong tuần (trực tuyến) và sáng, chiều thứ bảy (trực tiếp).

- Định hướng ứng dụng – vừa làm vừa học vào các buổi sáng, chiều các ngày thứ 7 và chủ nhật (trực tuyến, trực tiếp kết hợp).

## 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

### 3.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện nêu ở mục 3.2 dưới đây.

### 3.2. Điều kiện về văn bằng, chứng chỉ

- Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển loại Khá trở lên.

- Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

+ Đối với văn bằng thuộc ngành gần hoặc ngành phù hợp (*Phụ lục 1*) phải được học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương trước khi dự tuyển theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các môn học bổ sung kiến thức đối với các chuyên ngành dự tuyển nêu trong *Phụ lục 2* đính kèm.

+ Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm Văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Chính sách và Phát triển cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Cơ sở đào tạo Ngoại ngữ Việt Nam cấp và được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định trong *Phụ lục 3* ban hành kèm theo Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

### 3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh, Chính sách công thì phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3.4. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.5. Có đủ sức khoẻ để học tập.

3.6. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện Chính sách và Phát triển.

## 4. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

### 4.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng: Những thí sinh tốt nghiệp đại học chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển đạt hạng Khá trở lên trong thời hạn 24 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) và chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

b) Xét tuyển dựa trên đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và thực hiện phỏng vấn thí sinh các vấn đề cơ bản của chuyên ngành dự thi.

### 4.2. Đối tượng và chính sách ưu tiên

#### a) Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác 02 năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực I theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

#### b) Về chính sách ưu tiên:

- Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định được cộng thêm 20 điểm (thang điểm 100) vào kết quả xét tuyển;

- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.



## 5. THỜI GIAN, HỒ SƠ TUYỂN SINH

**5.1. Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày 25/3/2022 – 25/5/2022.

**5.2. Lệ phí xét tuyển:** 200.000 đồng/thí sinh.

**5.3. Hình thức nộp hồ sơ:** thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <https://dkxt.apd.edu.vn>, kê khai thông tin theo hướng dẫn. Gửi các hồ sơ sau đây về Học viện theo địa chỉ: Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển, Khu đô thị Nam An Khánh, An Thượng, Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

- (1) Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm đại học;
- (2) Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ minh chứng trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên;
- (3) Bản sao công chứng các giấy tờ có liên quan đến đối tượng ưu tiên (nếu có);
- (4) Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (nếu có);
- (5) Phiếu đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (*Theo mẫu*);
- (6) Ảnh 3x4 (04 cái).

Sau khi trúng tuyển, Học viện thực hiện hậu kiểm hồ sơ tuyển sinh, thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về mặt pháp lý của hồ sơ. Nếu phát hiện có sai phạm Học viện sẽ hủy kết quả của thí sinh và các quyền lợi liên quan.

**6. THỜI GIAN BỔ SUNG KIẾN THỨC:** 15/05/2022 – 17/06/2022.

**7. THỜI GIAN XÉT TUYỂN:** Dự kiến cuối tháng 6/2022.

**8. TƯ VẤN TRỰC TUYẾN (ONLINE):**

Hotline: 0988922306; 0965043938; 0914898859

Website: <http://www.apd.edu.vn>

Email: [quanlycaohoc@apd.edu.vn](mailto:quanlycaohoc@apd.edu.vn)

Facebook: <http://www.facebook.com/tvtsapd/>.

Học viện Chính sách và Phát triển trân trọng thông báo! ✓

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT, Bộ KH&ĐT (*để báo cáo*);
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, Sở KH&ĐT;
- Các UBND, sở của các Tỉnh, TP;
- Các viện Nghiên cứu, các trường ĐH;
- Các Tổng công ty;
- Các đơn vị thuộc HV;
- Lưu: TC-HC, P. QLĐT.

**GIÁM ĐỐC**



**PGS, TS. Trần Trọng Nguyên**

**PHỤ LỤC 01****Quy định về ngành đúng, phù hợp, ngành gần với  
chuyên ngành đăng ký dự thi**

(Kèm theo Thông báo số: 45/TB-HVCSPT-ĐT ngày 24 tháng 3 năm 2022)

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi tên ngành, chuyên ngành tốt nghiệp trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự tuyển hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau dưới 10% so với chương trình đào tạo đại học chuyên ngành tương ứng của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ ngành đã được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp nêu trên) hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau từ 10% đến 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Danh mục ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi, cụ thể như sau:

| TT | Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ | Danh mục ngành ở bậc Đại học gần với chuyên ngành đăng ký dự thi  |
|----|------------------------------|---|
| 1  | Ngành Chính sách công        | Ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Kinh tế quốc tế, Tài chính – Ngân hàng, Quản lý Nhà nước của Học viện Chính sách và Phát triển; Ngành Quản lý Nhà nước;<br>Ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học; Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý.   |
| 2  | Ngành Tài chính – Ngân hàng  | Ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Kinh tế quốc tế, Quản lý Nhà nước, Chính sách công của Học viện Chính sách và Phát triển;<br>Ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học; Kinh doanh; Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý.   |
| 3  | Ngành Quản trị kinh doanh    | Ngành gần: Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính – Ngân hàng, bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống |
| 4  | Ngành Kinh tế Quốc tế        | Ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản lý Nhà nước, Chính sách công của Học viện Chính sách và Phát triển;<br>Ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học (trừ ngành Kinh tế quốc tế); Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng- Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý.   |
| 5  | Ngành Kinh tế phát triển     | Ngành Kinh tế, Quản trị doanh nghiệp, Quản lý Nhà nước, Chính sách công của Học viện Chính sách và Phát triển;<br>Ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học (trừ ngành Kinh tế quốc tế); Kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng- Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý.   |

**Ghi chú:** Việc xác định ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển căn cứ Bảng điểm tốt nghiệp đại học của thí sinh và chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển.

3. Ngành khác: Ngoài các ngành đúng, phù hợp, ngành gần ở trên và có thời lượng chương trình đào tạo đại học (khối kiến thức ngành) khác nhau trên 40% so với chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành tương ứng tại Học viện Chính sách và Phát triển.

**PHỤ LỤC 02****Danh mục các môn học bổ sung kiến thức**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HVCSPT-ĐT ngày tháng năm 2022)

**1. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Chính sách công**

Người dự tuyển tốt nghiệp ngành gần với ngành Chính sách công cần bổ sung kiến thức 3 môn (7 tín chỉ), bao gồm các học phần:

|   | Học phần           | Số tín chỉ |
|---|--------------------|------------|
| 1 | Chính sách công    | 3          |
| 2 | Chính sách xã hội  | 2          |
| 3 | Chính sách kinh tế | 2          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>  | <b>7</b>   |

Người dự tuyển tốt nghiệp ngành, chuyên ngành khác với ngành Chính sách công phải học bổ sung kiến thức 5 môn (13 tín chỉ), bao gồm các học phần:

|   | Học phần                | Số tín chỉ |
|---|-------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô           | 3          |
| 2 | Kinh tế vĩ mô           | 3          |
| 3 | Chính sách công         | 3          |
| 4 | Chính chính sách xã hội | 2          |
| 5 | Chính sách kinh tế      | 2          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>       | <b>13</b>  |

**2. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Tài chính – Ngân hàng**

Người tốt nghiệp đại học ngành, chuyên ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng phải học bổ sung kiến thức 4 môn (9 tín chỉ), bao gồm:

|   | Học phần                      | Số tín chỉ |
|---|-------------------------------|------------|
| 1 | Lý thuyết Tài chính – tiền tệ | 3          |
| 2 | Quản lý Tài chính công        | 2          |
| 3 | Tài chính doanh nghiệp        | 2          |
| 4 | Quản trị ngân hàng thương mại | 2          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>             | <b>9</b>   |

### 3. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Quản trị Kinh doanh

Người dự tuyển tốt nghiệp ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh cần bổ sung kiến thức 2 môn (4 tín chỉ), bao gồm các học phần: Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing (02 tín chỉ/ học phần).

Người dự tuyển tốt nghiệp ngành, chuyên ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 5 môn (13 tín chỉ), bao gồm các học phần:

|   | Môn học             | Số tín chỉ |
|---|---------------------|------------|
| 1 | Kinh tế vi mô       | 3          |
| 2 | Kinh tế vĩ mô       | 3          |
| 3 | Quản trị học        | 2          |
| 4 | Quản trị chiến lược | 2          |
| 5 | Quản trị Marketing  | 3          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>   | <b>13</b>  |

### 4. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kinh tế quốc tế

Người tốt nghiệp đại học ngành, chuyên ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế phải học bổ sung kiến thức 3 môn (7 tín chỉ), bao gồm:

|   | Môn học                   | Số tín chỉ |
|---|---------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế quốc tế           | 3          |
| 2 | Pháp luật kinh tế quốc tế | 2          |
| 3 | Thương mại quốc tế        | 2          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>         | <b>7</b>   |



### 5. Đối với thí sinh dự tuyển ngành Kinh tế phát triển

Người tốt nghiệp đại học ngành, chuyên ngành gần với ngành Kinh tế phát triển phải học bổ sung kiến thức 4 môn (8 tín chỉ), bao gồm:

|   | Môn học                        | Số tín chỉ |
|---|--------------------------------|------------|
| 1 | Kinh tế phát triển             | 2          |
| 2 | Địa lý kinh tế                 | 2          |
| 3 | Đầu tư công                    | 2          |
| 4 | Phân tích dự báo kinh tế vĩ mô | 2          |
|   | <b>Tổng cộng:</b>              | <b>8</b>   |

**Ghi chú:** + Tùy vào các ngành, chuyên ngành cụ thể học ở bậc học Đại học mà thí sinh có thể được miễn học các học phần chuyển đổi nếu các học phần ở trên đã trùng với học phần có trong bảng điểm Đại học.

+ Việc học bổ sung kiến thức đại học phải hoàn thành trước khi dự thi.



**PHỤ LỤC 03**

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam**

(Kèm theo Thông báo số: 45 /TB-HVCSPT-ĐT ngày 24 tháng 3 năm 2022)

| <b>Văn bằng/ chứng chỉ</b>               | <b>Thang điểm quy đổi</b>   |
|--|---|
| IELTS                                    | 4.0-5.0   |
| TOEFL                                    | ITP 450 – 499<br>iBT 30 - 45  |
| TOEIC                                    | Listening (Nghe): 275-399<br>Reading (Đọc): 275-384<br>Speaking (Nói): 120-159<br>Writing (Viết): 120-149 |
| Cambridge Assessment English             | B1<br>Preliminary/Linguaskill: 140-159  |
| Khung tham chiếu chung châu Âu<br>(CEFR) | B1  |
| V-Step                                   | B1  |

